

Bản án số: 130/2026/HS-PT

Ngày: 20/7/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Bà Kiều Kim Xuân.

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa:

Ông Nguyễn Chí Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 155/2026/TLPT-HS ngày 03/6/2026 đối với bị cáo Đinh Thị Tuyết L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 23/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Đinh Thị Tuyết L (tên gọi khác: Ú), sinh ngày 12/9/1965 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); giới tính: Nữ; số căn cước: 082165008238 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/8/2022; nơi thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp L, xã C, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp N, xã C, tỉnh Đồng Tháp); Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ học vấn: Lớp 12/12; cha tên Trần Văn Đ, sinh năm 1912 (đã chết) và mẹ tên Đinh Thị B, sinh năm 1924 (đã chết); Anh chị em ruột: Bị cáo có 07 anh chị, lớn nhất sinh năm 1947, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; chồng bị cáo tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1960; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2005; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2024 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Thị Yến P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Mầm non T4 đơn vị sự nghiệp công lập có trụ sở tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp) được tổ chức lại theo Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C, là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trường Mầm non T4 có 02 nguồn thu tài chính, gồm:

- Nguồn thu do ngân sách nhà nước cấp để chi thường xuyên, không thường xuyên như: chi lương, tiền công, phụ cấp cho cán bộ giáo viên, chi hoạt động chuyên môn của T1, mua sắm, sửa chữa.

- Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, gồm: Thu học phí; Hoạt động liên doanh liên kết (dạy thể dục nhịp điệu); Nguồn dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo (bán trú, làm quen với tiếng Anh cho trẻ); N thu ngoài ngân sách (gồm Bảo hiểm tai nạn, chăm sóc sức khỏe ban đầu, thu hội phí, dinh dưỡng học đường).

Từ năm 2021 đến năm 2024, Trường Mầm non T4 thực hiện việc thu, chi tiền ăn bán trú theo các văn bản sau:

- Năm học 2021 - 2022, căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 03/HDLN-SGDĐT-STC ngày 07/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc thu, quản lý, sử dụng kinh phí cho các lớp bán trú trong các cơ sở giáo dục và định mức thu, chi trả tiền dạy Tiếng Anh tăng cường bậc Tiểu học trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Năm học 2022 - 2023, căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh T quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Năm học 2023 - 2024, căn cứ Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh T về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh T quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Từ năm 2022 đến năm 2023, bị cáo Lê Thị Yến P giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non T4, thực hiện các nhiệm vụ do Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân huyện C phân công, chịu trách nhiệm trước cấp trên về toàn bộ

các hoạt động của Nhà trường, là người điều hành mọi hoạt động của Nhà trường, chịu trách nhiệm trước Chi bộ, Phòng G về toàn bộ công việc của Nhà trường, thực hiện chế độ báo cáo với các cấp quản lý theo quy định. Bị cáo Đinh Thị Tuyết L, nguyên Hiệu trưởng Trường Mầm non T4, sau khi về hưu bị cáo L ký hợp đồng làm giáo viên cho Nhà trường nhưng bị cáo không trực tiếp dạy lớp như hợp đồng, từ tháng 11/2020 đến hết năm 2021 bị cáo L làm nhiệm vụ cấp dưỡng, từ năm 2022 đến tháng 11/2023 bị cáo P giao bị cáo L làm thêm nhiệm vụ thu, chi tiền bán trú (thu tiền bán trú và chi tiền ăn, tiền sinh hoạt hàng ngày của học sinh).

Năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 Trường Mầm non T4 tổ chức bán trú cho trẻ. Để tổ chức công tác bán trú, bị cáo P giao bị cáo L và chị L1 thu tiền, sau đó bị cáo L giữ tiền để chi các khoản liên quan đến công tác bán trú gồm: Tiền thực phẩm, tiền phụ phí, tiền lương cấp dưỡng, tiền khấu hao cơ sở vật chất, tiền hỗ trợ giáo viên trực trưa, tiền hỗ trợ viên chức, kế toán, thủ quỹ, quản lý và tiền sửa. Bị cáo L mở 02 hệ thống sổ khác nhau dạng “Sổ quỹ tiền mặt” để theo dõi tiền thu - chi hàng tháng, gồm hệ thống sổ phục vụ quyết toán theo hồ sơ kế toán và hệ thống sổ theo dõi thu - chi thực tế (sổ phụ ngoài hệ thống kế toán). Bị cáo P chỉ đạo bỏ ngoài sổ sách một số trẻ đóng tiền bán trú để trừ hao trong công tác chi bán trú ở những tháng học hè, giao bị cáo L toàn bộ việc mua thực phẩm, vật phẩm phục vụ bán trú mà không tiến hành kiểm tra và đồng ý để bị cáo L mua thực phẩm, vật phẩm ít hơn so với tiêu chuẩn. Định kỳ cuối tháng, bị cáo L tổng kết tiền thu - chi bán trú, số tiền dư bị cáo L giao bị cáo P nhận và ký nhận vào sổ phụ. Từ tháng 4/2022 đến ngày 05/10/2023 bị cáo P đã nhận tiền 19 lần rồi chiếm đoạt với tổng số tiền 282.695.817 (hai trăm tám mươi hai triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm mười bảy) đồng để tiêu xài cá nhân.

Sau khi đối chiếu giữa sổ phụ và hồ sơ kế toán còn phát hiện bị cáo L chiếm đoạt tiền thu - chi bán trú của Trường Mầm non T4 12 lần với tổng số tiền là 60.434.800 (sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm) đồng.

Đến tháng 10/2023 giữa bị cáo P và bị cáo L mâu thuẫn trong công tác thu - chi nên bị cáo L tố giác hành vi của bị cáo P đến Thanh tra huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi hoàn tất việc thanh tra, ngày 16/4/2024 Thanh tra huyện C, tỉnh Tiền Giang ban hành Công văn số 131/CV-TT chuyển hồ sơ có dấu hiệu phạm tội sang Cơ quan điều tra.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo L và bị cáo P chiếm đoạt của Trường Mầm non T4 tổng cộng là 343.130.617 (Ba trăm bốn mươi ba triệu một trăm ba mươi nghìn sáu trăm mười bảy) đồng.

* Tại Kết luận giám định số 1115/KL-KTHS(Đ2) ngày 17/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chữ ký đứng tên Lê Thị Yến P trên tài liệu

cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Lê Thị Yến P trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 do cùng một người ký ra.

* Tại Kết luận giám định số 1441/KL-KTHS(Đ2) ngày 27/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ chữ viết họ tên “Lê Thị Yến P”) so với chữ viết đứng tên Đinh Thị Tuyết L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết ra.

* Kết luận giám định của Sở tài chính tỉnh Đ giám định từ ngày 12/9/2025 đến ngày 29/9/2025, kết luận:

*“- Đối với Sổ quỹ tiền mặt do Đinh Thị Tuyết L lập, thực chất đây chỉ là quyển sổ tay do hai đối tượng Đinh Thị Tuyết L và Lê Thị Yến P lập ra thêm để thỏa thuận tài chính riêng, không tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, không tuân thủ theo quy định của Luật Kế toán và Thông tư số 107/2017/TT-BTC; do đó, Tổ Giám định không có cơ sở so sánh, đối chiếu giữa Sổ quỹ tiền mặt do Đinh Thị Tuyết L lập với **Phiếu thu** để xác định chênh lệch số tiền thu bán trú.*

*Tổ Giám định không có cơ sở xác định số chênh lệch **tiền thu** bán trú của Trường Mầm non T4 từ tháng 04/2022 đến tháng 10/2023 theo nội dung trung cầu giám định của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ.*

*- Đối với Sổ quỹ tiền mặt do Đinh Thị Tuyết L lập, thực chất đây chỉ là quyển sổ tay do hai đối tượng Đinh Thị Tuyết L và Lê Thị Yến P lập ra thêm để thỏa thuận tài chính riêng, không tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, không tuân thủ theo quy định của Luật Kế toán và Thông tư số 107/2017/TT-BTC; do đó, Tổ Giám định không có cơ sở so sánh, đối chiếu giữa Sổ quỹ tiền mặt do Đinh Thị Tuyết L lập với **Phiếu chi** để xác định chênh lệch số tiền chi bán trú.*

*Tổ Giám định không có cơ sở xác định số chênh lệch **tiền chi** bán trú của Trường Mầm non T4 từ tháng 04/2022 đến tháng 10/2023 theo nội dung trung cầu giám định của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ.”.*

*** Vật chứng, đồ vật được tạm giữ, xử lý như sau:**

- 01 sổ quỹ tiền mặt: Quyển số 01 năm 2022, ngày mở sổ 01/4/2022, được ghi số thứ tự từng tờ, từ 01 đến 39 (lưu hồ sơ vụ án).

- 01 sổ quỹ tiền mặt: không ghi số, ghi năm 2022, không ghi ngày mở sổ, được ghi số thứ tự từng tờ, từ 01 đến 48 (lưu hồ sơ vụ án).

- Chứng từ, sổ sách thu/chi bán trú của trường Mầm Non T4. Cơ quan điều tra đã phân loại chứng từ thu/chi và 05 quyển sổ Quỹ tiền mặt từ tháng 4/2022 đến 10/2023 lưu trong hồ sơ vụ án. Còn lại các chứng từ đã trả lại cho bà Lê Thị Minh T2 – Phó hiệu trưởng là đại diện Trường mầm non T4 nhận lại (có bảng kê).

- Tạm giữ số tiền 346.986.800 đồng (do các bị cáo và gia đình nộp khắc phục hậu quả), Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 đã ra quyết định chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 quản lý, chờ xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thị Yến P và gia đình đã nộp số tiền 286.522.000 đồng, gia đình bị cáo L nộp số tiền 60.434.800 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2026/HS-ST ngày 23/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt

- Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Yến P, Đinh Thị Tuyết L phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Yến P 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 20/12/2024.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thị Tuyết L 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 23/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 343.130.617 đồng.

Trả lại cho bị cáo P số tiền 3.826.183 đồng.

(Theo Biên lai thu tiền số 0002090 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp tạm thu số tiền 297.855.500 đồng và Biên bản giao nhận tài sản số 63/2025/BBBG/CSKT ngày 24/12/2025).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/5/2026, bị cáo Đinh Thị Tuyết L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đinh Thị Tuyết L thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm kết án là có căn cứ, tuy nhiên bị cáo cho rằng hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là cao, bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm giải quyết vụ án nhận định: Bản án số 82/2026/HS-ST ngày 23/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X- Đồng Tháp kết án bị cáo Đinh Thị Tuyết L phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Trước đây, Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên thay đổi truy tố đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự mà áp dụng tình tiết định khung tương tự tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Nhận thấy việc thay đổi truy tố như trên vẫn không làm chuyển khung hình phạt theo hướng bất lợi đối với bị cáo nên phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm không có phát sinh tình tiết giảm nhẹ khác so với các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm. Các nội dung khác đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo Đinh Thị Tuyết L phát biểu: Bị cáo lớn tuổi, có nhiều bệnh, số tiền chiếm đoạt theo kết luận điều tra là bị cáo tham ô nhưng có những chuyện trong Trường học rất phức tạp, có những đứa trẻ không đi học mà Nhà trường buộc phải động viên đi học, phải ghi đủ số lượng trẻ. Bị cáo không có xài tiền chiếm đoạt nhưng bị cáo không có gì chứng minh. Bị cáo không cố ý làm sai. Chồng của bị cáo bị bệnh tai biến không ai chăm sóc. Bị cáo có nhiều năm cống hiến cho sự nghiệp giáo dục, gia đình của bị cáo có công với cách mạng. Bị cáo về hưu rồi nhưng do hoàn cảnh khó khăn mà phải đi làm thêm, bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, Đơn kháng cáo ngày 01/5/2026 của bị cáo Đinh Thị Tuyết L là trong thời hạn và đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Thị Tuyết L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 23/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp đã xét xử và quyết định hình phạt đúng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện trong vai trò đồng phạm cùng với bị cáo Lê Thị Yến P. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ hậu quả, có nhiều thành tích trong công tác và có người thân là người có công với cách mạng.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Tuyết L tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với Kết luận thanh tra, Kết luận giám định, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Đinh Thị Tuyết L phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã cùng với bị cáo Lê Thị Yến P lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản trong quá trình tổ chức bữa ăn bán trú cho trẻ. Hành vi này không chỉ gây thiệt hại về tài sản mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi, chế độ dinh dưỡng của trẻ, làm suy giảm uy tín của Nhà trường, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo là cần thiết.

Về hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, bị cáo L giữ vai trò thấp hơn bị cáo Lê Thị Yến P, số tiền chiếm đoạt ít hơn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác được khen thưởng, có người thân là người có công với cách mạng. Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo L và đã áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thấp hơn mức thấp nhất của khung hình phạt tù mà bị cáo bị truy tố, xét xử. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có chiều cố, xem xét cân nhắc quyết định hình phạt theo hướng có lợi, khoan hồng cho bị cáo đúng với quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác ngoài những tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá khi quyết định hình phạt. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 23/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X – Đồng Tháp về phân hình phạt đối với bị cáo Đinh Thị Tuyết L.

Đối với việc Cáo trạng truy tố các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên thay đổi truy tố đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự mà áp dụng tình tiết định

khung “phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi truy tố như trên vẫn không làm chuyển khung hình phạt theo hướng bất lợi đối với bị cáo, đúng với bản chất vụ án, đúng với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng quyền bào chữa của bị cáo nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm vì nội dung này.

[3] Xét thấy, phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Bị cáo L sinh năm 1965 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần tuyên lại phần án phí hình sự sơ thẩm là bị cáo L được miễn; đồng thời bị cáo L cũng được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 23/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X – Đồng Tháp không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Thị Tuyết L.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 23/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp về phần hình phạt đối với bị cáo Đinh Thị Tuyết L.

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Tuyết L phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Bị cáo Đinh Thị Tuyết L 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 23/12/2024).

2. Về án phí hình sự:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án;

Bị cáo Đinh Thị Tuyết L được miễn án phí hình sự sơ thẩm và được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 23/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực X – Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực X – Đồng Tháp;
- THAHS CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực X;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh